



# **CHƯƠNG XVII**

## **HỆ THỐNG PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

## 1. **Khái niệm hệ thống pháp luật XHCN.**

**Khái niệm :** Hệ thống pháp luật là tổng thể các QPPL, các nguyên tắc, định hướng và mục đích của pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được phân thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các VBQPPL do cơ quan nhà nước ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định.

**Gồm:**

- **Về cấu trúc bên trong:** hệ thống pháp luật được hợp thành từ các quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật.
- **Về hình thức bên ngoài:** hệ thống pháp luật được cấu thành từ các văn bản quy phạm pháp luật.

## 1.1 Hệ thống cấu trúc của PL

Hệ thống cấu trúc của pháp luật: là cơ cấu bên trong của pháp luật, là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất, được phân định thành các chế định pháp luật và ngành luật

### \* Quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là thành tố nhỏ nhất (tế bào) trong hệ thống cấu trúc PL.

### \* Chế định pháp luật

Chế định pháp luật bao gồm một số quy phạm có những đặc điểm chung giống nhau nhằm điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội tương ứng.

• **Ngành luật :**

***Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.***

**Có 2 căn cứ chủ yếu để phân định các ngành luật:**

- **Đối tượng điều chỉnh:** là những quan hệ xã hội cùng loại, thuộc một lĩnh vực của đời sống xã hội cần có sự điều chỉnh bằng PL. Mỗi ngành luật sẽ điều chỉnh một loại quan hệ xã hội đặc thù.
- **Phương pháp điều chỉnh:** là cách thức tác động vào quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của ngành luật đó. Mỗi ngành luật cũng có phương pháp điều chỉnh đặc thù.

**Có 2 phương pháp điều chỉnh chủ yếu:**

+ **Phương pháp bình đẳng thoả thuận** : là cách thức tác động mà ở đó nhà nước không can thiệp trực tiếp vào các quan hệ pháp luật mà chỉ định ra khuôn khổ và các bên tham gia quan hệ pháp luật có thể thoả thuận với nhau trong khuôn khổ đó, các bên tham gia quan hệ pháp luật bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ pháp lý.

+ **Phương pháp quyền uy phục tùng**: là cách thức tác động mà ở đó một bên trong quan hệ pháp luật có quyền ra mệnh lệnh, còn bên kia phải phục tùng.

Tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất của các quan hệ xã hội, các ngành luật sử dụng một phương pháp hoặc phối hợp cả hai phương pháp này. Ngoài ra, do tính đặc thù của từng ngành luật sẽ có thể sử dụng phương pháp điều chỉnh riêng biệt.

## **1.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.**

Căn cứ vào tính chất pháp lý, văn bản pháp luật có thể được chia thành 3 loại: văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật chủ đạo và văn bản pháp luật cá biệt (văn bản áp dụng pháp luật).

**Phân loại: Có nhiều cách phân chia hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, căn cứ vào hiệu lực pháp lý, VBQPPL được chia thành 2 loại: văn bản luật và văn bản dưới luật.**

**Mối liên hệ giữa các VBQPPL: các VBQPPL tồn tại trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau.**

- Một là, mối liên hệ về hiệu lực pháp lý.**
- Hai là, mối liên hệ về nội dung.**



**Mối liên hệ giữa hệ thống cấu trúc của pháp luật và hệ thống VBQPPL:**

◦ - Hệ thống cấu trúc là cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống VBQPPL (thể hiện trong hoạt động tập hợp hóa và pháp điển hóa).

- Hệ thống VBQPPL là hình thức thể hiện hệ thống cấu trúc bên trong của pháp luật.



## 2. Những tiêu chuẩn cơ bản để xác định mức độ hoàn thiện của một hệ thống pháp luật

- **Tính toàn diện:** Thể hiện ở 2 mức độ
  - + Ở mức độ chung: đó là sự đầy đủ các ngành luật, các chế định pháp luật
  - + Ở mức độ cụ thể: đầy đủ các QPPL.
- **Tính đồng bộ**

Hệ thống pháp luật phải có tính thống nhất, không chồng chéo, mâu thuẫn
- **Tính phù hợp**

PL phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội
- **Được xây dựng ở trình độ pháp lý cao.**

### **3. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam**

- Luật Nhà nước (Luật Hiến pháp)
- Luật hành chính
- Luật tài chính
- Luật ngân hàng
- Luật đất đai
- Luật dân sự
- Luật lao động
- Luật hôn nhân và gia đình.
- Luật hình sự
- Luật tố tụng hình sự
- Luật tố tụng dân sự
- Luật kinh tế
- Luật pháp quốc tế: Công pháp và tư pháp quốc tế.

## **4. Xây dựng pháp luật và hệ thống hóa pháp luật**

### **4.1. Xây dựng pháp luật**

#### **\* Yêu cầu**

- Nghiên cứu một cách khách quan, toàn diện, sâu sắc, các quy luật, các hiện tượng xã hội, kinh tế, chính trị, tư tưởng của thực tiễn khách quan để từ đó rút ra những giá trị chuẩn mực từ trong nhu cầu của xã hội.
- Nghiên cứu động thái các hành vi pháp luật trong đó có cả hành vi hợp pháp và hành vi không hợp pháp để từ đó có thể dự kiến được diễn biến các hành vi đó trong tương lai.
- Phân tích và đánh giá đúng hiệu lực và hiệu quả của việc điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng các quy phạm và chế định hiện hành.
- Trên cơ sở những việc làm kể trên tiến hành kế hoạch hoá hoạt động xây dựng pháp luật.

## \* Nguyên tắc xây dựng.

- Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng
- Nguyên tắc dân chủ XHCN.
- Nguyên tắc pháp chế XHCN
- Nguyên tắc khách quan

Quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các giai đoạn:

***Giai đoạn 1:*** Đề xuất yêu cầu ban hành một văn bản pháp luật mới hoặc sửa đổi một văn bản pháp luật hiện hành và thông qua quyết định về soạn thảo dự án liên quan đến yêu cầu đã đề xuất.

***Giai đoạn 2:*** Soạn thảo dự án văn bản pháp luật.

° ***Giai đoạn 3:*** Thảo luận và thông qua dự án văn bản pháp luật.

***Giai đoạn 4:*** Công bố văn bản pháp luật.

## 4.2 Hệ thống hóa pháp luật

*Hệ thống hoá pháp luật là hoạt động nhằm hoàn thiện pháp luật, đưa chúng vào một hệ thống nhất định.*

Công tác hệ thống hoá pháp luật hướng tới các mục đích:

- Tạo ra một hệ thống VBQPPL cân đối, hoàn chỉnh, thống nhất trong đó các đạo luật đóng vai trò chủ đạo.
- Khắc phục tình trạng lỗi thời, mâu thuẫn và những lỗ hổng của **hệ thống PL**.
- Làm cho nội dung pháp luật phù hợp với những yêu cầu của đời sống, có hình thức rõ ràng, dễ hiểu, tiện lợi cho việc sử dụng.

Khoa học pháp lý xã hội chủ nghĩa phân biệt 2 hình thức hệ thống hoá pháp luật, đó là tập hợp hoá và pháp điển hoá.

Tập hợp hoá là sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật, các quy phạm pháp luật riêng biệt theo một trình tự nhất định (theo cơ quan ban hành, theo thời gian ban hành, theo cấp độ hiệu lực pháp lý...). Hình thức hệ thống hoá này không làm thay đổi nội dung văn bản, không bổ sung những quy định mới mà chỉ nhằm loại bỏ những quy phạm đã hết hiệu lực hoặc rõ ràng là mâu thuẫn với văn bản cấp trên.



**Pháp điển hoá là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó không những tập hợp các văn bản đã có theo một trình tự nhất định, loại bỏ những quy phạm lỗi thời, mâu thuẫn mà còn chế định thêm những quy phạm mới để thay thế cho các quy phạm đã bị loại bỏ và khắc phục những chỗ trống được phát hiện trong quá trình tập hợp văn bản, sửa đổi những quy phạm hiện hành, nâng cao hiệu lực pháp lý của chúng.**

**Kết quả của công việc pháp điển hoá là một văn bản quy phạm pháp luật mới ra đời**